

# HƯỚNG DẪN VỀ TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

UNESCO và COL

*Tài liệu được xuất bản năm 2011 và được cập nhật năm 2015 bởi Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc – UNESCO và Khối thịnh vượng chung về học tập (Commonwealth of Learning). Tài liệu này có giấy phép Ghi công và Chia sẻ tương tự (CC BY-SA). Tài liệu được dịch với Lê Trung Nghĩa và hiệu đính bởi Khoa Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.*

## MỘT SỐ THUẬT NGỮ CƠ BẢN

**Xuất bản truy cập mở:** Xuất bản truy cập mở là việc phân phối rộng rãi bản điện tử của những bài tạp chí chuyên ngành trên cơ sở được truy cập tự do và không giới hạn<sup>1</sup>.

**Tài nguyên Giáo dục Mở (OER):** Tài nguyên giáo dục mở có thể được coi là bất cứ tài liệu giảng dạy, học tập và nghiên cứu nào nằm trong phạm vi công cộng hoặc được phát hành theo một giấy phép mở, bất cứ ai cũng có thể sao chép, sử dụng, sửa đổi và chia sẻ một cách hợp

---

<sup>1</sup> Sáng kiến truy cập mở Budapest (<http://www.soros.org/openaccess/read>).

pháp các tài liệu này thông qua hệ thống giấy phép mở. OER có thể là giáo trình, khung chương trình đào tạo, đề cương môn học, bài giảng, bài luận, các bài kiểm tra, các kết dự án, video và hình ảnh động. Việc sử dụng các tiêu chuẩn chuẩn kỹ thuật mở tăng sẽ tăng cường khả năng truy cập và sử dụng lại (Atkins, Brown & Hammond, 2007).

Thuật ngữ Tài nguyên giáo dục mở không đồng nghĩa với học trực tuyến (E-Learning) hay học tập linh hoạt (mobile learning). OER có thể được chia sẻ dưới dạng kỹ thuật số hoặc có thể dưới dạng tài liệu in.

**Giấy phép mở:** Giấy phép mở là phương thức đã được chuẩn hóa nhằm cấp phép và quy định những giới hạn trong truy cập, sử dụng, thay đổi mục đích, sử dụng lại hay phân phối lại các tác phẩm.<sup>1</sup>

Để biết thêm các định nghĩa của các thuật ngữ liên quan, xin xem cuốn “Sổ tay Hướng dẫn cơ bản về Học liệu mở (Butcher, 2011)”, do UNESCO và COL phát hành.<sup>2</sup>

## 1. GIỚI THIỆU

### 1.1. Mục đích của tài liệu hướng dẫn

Tài nguyên giáo dục mở (OER) là các tài liệu được sử dụng để hỗ trợ cho giáo dục mà có thể tự do truy cập, sử dụng lại, sửa đổi và chia sẻ. Do vậy tài liệu này phác họa các vấn đề chính của OER và đưa ra các gợi ý cho việc tích hợp OER vào giáo dục đại học.

Mục đích của tài liệu nhằm khuyến khích chính phủ, các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, các trường đại học đầu tư có hệ thống vào sản xuất, tùy biến thích nghi và sử dụng OER qua đó đưa OER vào giáo

<sup>1</sup> Tài sản sáng tạo công cộng (<http://creativecommons.org/licenses/>) và định nghĩa mở (<http://opendefinition.org/guide/>).

<sup>2</sup> Xem Sổ tay Hướng dẫn cơ bản về Học liệu mở (OER) <http://www.col.org/oerBasicGuide>).

dục đại học để cải thiện chất lượng các chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng của việc dạy và học đồng thời làm giảm chi phí đào tạo.

## **1.2. Cơ sở ra đời của tài liệu hướng dẫn**

### **1.2.1. Bối cảnh giáo dục đại học**

Nền kinh tế toàn cầu hiện nay được dẫn dắt bởi tri thức, các hệ thống giáo dục đại học đóng các vai trò chính trong phát triển xã hội và tạo ra lợi thế cạnh tranh cho nền kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, chúng ta đang đối mặt với các thách thức lớn trong việc đáp ứng các đòi hỏi về tuyển sinh ngày càng cao trên toàn thế giới. Các dự báo cho thấy rằng tuyển sinh toàn cầu hiện nay là 165 triệu người và sẽ gia tăng thêm 98 triệu người vào năm 2025. Tuy nhiên, sự tăng trưởng này có lẽ không đi kèm với sự gia tăng tương ứng trong các tài nguyên nhân lực và tài chính sẵn sàng cho khu vực giáo dục đại học.

Nhiều trường đại học đang kết hợp công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) vào việc quản lý và điều hành của họ để phục vụ cho sinh viên học tập hiệu quả hơn, giảm chi phí và để chuẩn bị cho họ sẵn sàng làm việc trong môi trường năng động. Tuy nhiên, ở nhiều nước đang phát triển, sự đầu tư cho công nghệ thông tin như phần cứng, phần mềm và kết nối Internet để tiếp cận OER vẫn còn là một thách thức. Vì vậy, điều cấp thiết là phải điều chỉnh lại các phương pháp sư phạm trong lĩnh vực dạy học và tài liệu học tập sao cho phù hợp với môi trường mở trong khi vẫn đảm bảo chất lượng đào tạo cao và cơ hội giáo dục phù hợp.

CNTT-TT đang làm gia tăng đáng kể khả năng truyền thông tin qua các hệ thống thông tin toàn cầu, dẫn tới sự bùng nổ trong việc tạo lập và chia sẻ tri thức. Điều này mở ra các cơ hội để tạo ra và chia sẻ một rộng rãi hơn các tài nguyên giáo dục, qua đó đáp ứng được các nhu cầu đa dạng của sinh viên. Thông tin số với sự dễ dàng chia sẻ và lan truyền

trên mạng đã đặt ra những thách thức đáng kể cho vấn đề về sở hữu trí tuệ, các vấn đề bản quyền và các mô hình kinh doanh học liệu mở.

Truy cập trực tuyến tới OER đang gia tăng, đi cùng với kết nối mạng xã hội và việc học tập cộng tác, đã tạo ra những cơ hội cho đổi mới cho giáo dục đại học.

### **1.2.2. Cấp phép mở và sự nổi lên của OER**

Các giấy phép mở đã nổi lên trong một nỗ lực để bảo vệ các quyền tác giả trong các môi trường nơi mà nội dung (đặc biệt khi được số hóa) có thể dễ dàng được/bị sao chép mà không có sự cho phép. Các giấy phép mở đảm bảo rằng việc sao chép và chia sẻ xảy ra bên trong khung pháp lý có cấu trúc là mềm dẻo hơn so với giữ bản quyền tất cả (All Rights Reserved). Chúng cung cấp sự cho phép được đưa ra một cách cẩn thận, trong khi nới lỏng các hạn chế bản quyền truyền thống.

OER là một phần của quy trình này. Chúng cho phép mềm dẻo hơn trong sử dụng, sử dụng lại và tùy biến thích nghi các tư liệu/tác phẩm trong các môi trường, mục đích khác nhau, trong khi đó tác giả có tác phẩm được thừa nhận.

Một số người bảo vệ OER nói rằng lợi ích chính của nội dung mở nằm ở chỗ nó là 'tự do', nhưng điều này hiểu như vậy là chưa đúng. Nội dung mở có thể được chia sẻ với những người khác mà không yêu cầu sự cho phép và không có việc trả tiền giấy phép hoặc các phí truy cập khác. Tuy nhiên, một số chi phí quan trọng phải được tính tới. Việc tận dụng ưu thế của OER một cách có hiệu quả đòi hỏi các đơn vị đào tạo cần đầu tư có hệ thống vào thiết kế chương trình/khóa học và phát triển và thu thập được các tư liệu. Cần có thời gian phải để phát triển các khóa học và các tư liệu, tìm kiếm OER thích hợp mục tiêu đào tạo, tùy biến OER phù hợp với nhu cầu và thương thảo việc cấp phép bản quyền (nếu tư liệu không được cấp phép mở). Cũng có các chi phí liên quan như mua sắm và duy trì hạ tầng CNTT-TT.

Các cơ sở giáo dục đang tiến hành đầu để cải thiện chất lượng dạy và học. Họ thúc đẩy việc chia sẻ các tư liệu ngành hàng và làm phong phú chương trình đào tạo. Các trường đại học sử dụng và tùy biến OER là cách đầu tư có hiệu quả về chi phí vào thiết kế và phát triển các tư liệu.

### **1.2.3. Tiềm năng biến đổi của OER**

Yêu cầu gia tăng đối với giáo dục đại học và sự triển khai liên tục hạ tầng CNTT-TT đã tạo ra những thách thức cho các cơ sở giáo dục đại học điều kiện các nguồn tài nguyên bị hạn chế. Điều này yêu cầu các cơ sở giáo dục triển khai một cách có hệ thống các nội dung sau:

- Phát triển và cải thiện chương trình đào tạo và tài liệu học tập.
- Thiết kế chương trình và các khoá học.
- Tổ chức các buổi giao lưu với sinh viên và giữa các sinh viên với nhau.
- Nâng cao chất lượng giảng dạy và học liệu.
- Thiết kế các công cụ đánh giá hiệu quả cho các môi trường khác nhau.
- Gắn kết với nhu cầu việc làm.

Học liệu mở có thể có đóng góp đáng kể vào những quá trình này. Tuy nhiên, học liệu mở không tự động dẫn đến chất lượng, hiệu quả đào tạo, hiệu quả chi phí, mà còn phụ thuộc nhiều vào các quy định thủ tục đặt ra. Tiềm năng giáo dục thay đổi của học liệu mở phụ thuộc vào việc:

1. Cải thiện chất lượng các tài liệu học tập thông qua các quá trình đánh giá ngành hàng;
2. Tận dụng được lợi ích của việc điều chỉnh, cá nhân hóa và địa phương hóa;

3. Nhấn mạnh đến tính chất mở và cải thiện chất lượng;
4. Xây dựng năng lực cho sự sáng tạo và sử dụng học liệu mở như một phần của công tác phát triển chuyên môn cho đội ngũ giảng viên;
5. Phục vụ, đáp ứng các nhu cầu thông tin của sinh viên;
6. Tối ưu hoá việc sử dụng nhân sự và ngân sách của các cơ sở giáo dục;
7. Phục vụ sinh viên bằng tiếng bản địa;
8. Khuyến khích sinh viên lựa chọn và điều chỉnh học liệu mở cho phù hợp nhằm làm cho họ tham gia tích cực hơn vào quá trình học tập.
9. Sử dụng tài liệu được xây dựng tại cơ sở và có sự ghi công xứng đáng.

Tiềm năng biến đổi của OER cũng bao gồm những lợi ích của việc chia sẻ và cộng tác giữa các cơ sở đào tạo và các quốc gia, và vai trò đột phá có tính sáng tạo của OER trong việc mở ra các mô hình giáo dục mới.

### 1.3. Phạm vi của các chỉ dẫn

Với tiềm năng của OER trong việc cải thiện các hệ thống giáo dục đại học, UNESCO và Khối thịnh vượng chung về Học tập - COL (Commonwealth of Learning) đã phát triển tài liệu chỉ dẫn này trên cơ sở xin ý kiến rộng rãi trên toàn thế giới, để hỗ trợ các chính phủ, các cơ sở/các nhà cung cấp giáo dục đại học, đội ngũ các nhà nghiên cứu, các tổ chức sinh viên và các cơ sở chứng nhận và đảm bảo/công nhận chất lượng. Tài liệu đi kèm của UNESCOCOL, *Chỉ dẫn Cơ bản về các Tài nguyên Giáo dục Mở (A Basic Guide to Open Educational Resources)* (Butcher, 2011)<sup>1</sup>, cung cấp thông tin chi tiết hơn về tất cả các khía cạnh của OER.

---

1 Xem <http://www.col.org/oerBasicGuide>.

## 2. CHỈ DẪN CHO CÁC BÊN THAM GIA PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ

### 2.1. Chỉ dẫn cho các chính phủ

Vai trò của các chính phủ trong giáo dục đại học ở mỗi quốc gia là khác nhau. Tuy nhiên, nhìn chung các chính phủ thường đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập các chính sách cho các hệ thống giáo dục đại học. Họ có sự quan tâm trong việc đảm bảo rằng những đầu tư công trong giáo dục đại học đóng góp hữu ích và có hiệu quả về chi phí cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Hầu hết các chính phủ cũng hỗ trợ tài chính cho một vài trường đại học.

Các chính phủ thường đòi hỏi các tài liệu hữu ích cho giáo dục được phát triển bằng ngân sách nhà nước phải sẵn sàng theo các giấy phép mở. Việc chia sẻ các tư liệu giáo dục sẽ cải thiện chất lượng, sự minh bạch và tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục đại học của mọi người dân. Các chính phủ có thể sử dụng các chế độ cấp phép mở để gia tăng hiệu quả đầu tư công bằng việc tạo thuận lợi cho sử dụng, chia sẻ, lan truyền các tài nguyên giáo dục, từ đó sẽ hạn chế đầu tư bổ sung.

#### **Các chính phủ cần:**

- (a) *Hỗ trợ sử dụng OER thông qua vai trò hoạch định chính sách giáo dục đại học.* Điều này có thể bao gồm việc khuyến khích và hỗ trợ sử dụng OER nhằm hỗ trợ cho các hình thức học tập đa dạng người học cũng như việc hỗ trợ các chương trình nghị sự hòa nhập xã hội quốc gia. Bằng cách này, sẽ khuyến khích sự tiếp cận bình đẳng tới giáo dục đại học và cải thiện kết quả đầu ra của việc học tập cho tất cả những người học. Để đảm bảo tính bền vững, chính phủ nên xây dựng một chương trình phát triển và khai thác OER một cách hiệu quả trong các trường đại học.

- (b) *Xem xét việc tùy biến thích nghi các khung cấp phép mở.* Xây dựng khung cấp phép phù hợp nhằm tăng cường khả năng chia sẻ tài nguyên giáo dục đại học, vấn đề này có thể là một phần trong khuôn khổ chính sách chung về quyền sở hữu trí tuệ và bản quyền trong giáo dục đại học bao gồm cả các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy. Khung cấp phép như vậy cũng có thể điều chỉnh cả bản quyền và sở hữu trí tuệ của tài liệu giáo dục do các bộ và các cơ quan chính phủ tạo ra.
- (c) *Xem xét việc áp dụng các tiêu chuẩn mở.* Mục đích là để đảm bảo sự truy cập đầy đủ và sử dụng/chia sẻ các tài nguyên trong giáo dục đại học. Điều này bao gồm cả các báo cáo nghiên cứu và giáo dục nhằm đảm bảo các dữ liệu có thể dễ dàng được cập nhật khi phần mềm thay đổi. Những quy chuẩn như vậy có thể bao gồm tài liệu giáo dục do các cơ quan ban ngành của chính phủ xây dựng và các cơ quan nhận hỗ trợ của chính phủ để xây dựng nguồn tài nguyên giáo dục.
- (d) *Nâng cao nhận thức của cộng đồng về OER.* Bao gồm việc phổ biến và chia sẻ các trường hợp điển hình, những kinh nghiệm thành công trong việc xây dựng và khai thác học liệu mở. Bên cạnh đó, Chính phủ cần phổ biến cho các đối tượng tham gia xây dựng học liệu mở nắm được các vấn đề về chính sách pháp lý, đặc biệt là vấn đề quyền sở hữu trí tuệ trong chia sẻ thông tin các tài nguyên trực tuyến.
- (e) *Thúc đẩy các chiến lược kết nối / CNTT-TT quốc gia.* Chính phủ định hướng và thúc đẩy phát triển CNTT-TT thông qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy cập và chia sẻ nội dung trên trực tuyến. Sự hỗ trợ như vậy có thể tập trung vào việc đảm bảo cung cấp bền vững khả năng kết nối và sự truy cập của sinh viên/đội ngũ giáo viên trong hệ thống giáo dục đại học.



(f) *Hỗ trợ sự phát triển và chia sẻ bên vững các tư liệu học tập có chất lượng.* Chìa khóa cho sự phát triển và sử dụng bền vững OER chính là việc hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học, cá nhân và tập thể để sản xuất và chia sẻ các tài nguyên giáo dục chất lượng cao. Điều này có thể bao gồm sự hỗ trợ cho các sáng kiến quốc gia để phát triển nội dung và phát triển các kho và các thư mục OER, cũng như việc xây dựng các cơ chế thúc đẩy chất lượng trong OER. Không có chiến lược nào phù hợp cho mọi tình huống, nhưng nếu phát triển OER được điều phối bởi các cơ quan chính phủ và sự phối hợp của các bên tham gia, sẽ thu được những kết quả tốt nhất.

## **2.2. Các chỉ dẫn cho các cơ sở giáo dục đại học**

Các cơ sở đào tạo đại học đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc hỗ trợ đội ngũ giảng viên tạo lập môi trường học tập và giảng dạy hiệu quả đồng thời cung cấp cho họ cơ hội cho họ phát triển chuyên môn của mình. Xây dựng và phát triển tài nguyên học tập đều là những phần không thể thiếu của quá trình này. Các cơ sở giáo dục đại học cần tích cực tạo ra học liệu mở và sử dụng học liệu mở của các nơi khác.

Tài nguyên học tập được thiết kế để khuyến khích mỗi cá nhân sinh viên tự tìm hiểu thông tin, ý tưởng và nội dung hơn là việc chỉ sử dụng các giáo trình, bài giảng (truyền thống). Với việc đưa những tài nguyên học tập như vậy thành một phần không thể thiếu được của quy trình giảng dạy và học tập, nhằm tăng cường sử dụng tài nguyên học tập một cách hiệu quả hơn do sự hạn chế thời gian của giờ giảng trực tiếp trên lớp cho sinh viên, khuyến khích sự tham gia của sinh viên vào bài giảng và tăng cường thảo luận, tính sáng tạo, ứng dụng thực tiễn và các hoạt động nghiên cứu.

Trong khi triển khai các khóa học và xây dựng các tài nguyên học tập cho khóa học này, giảng viên thường dựa vào nguồn học liệu sẵn có.

Kho OER ngày một gia tăng không chỉ mở rộng sự lựa chọn của họ, mà còn tạo ra các cơ hội cho các tài nguyên mới sẽ được tùy biến thích nghi cho phù hợp với bối cảnh địa phương về văn hoá và nhu cầu học tập mà không cần các cuộc thương lượng bản quyền cũng như tránh được sự chông chéo về phát triển nội dung.

Kinh nghiệm chỉ ra rằng, khi các trường đại học xây dựng các khóa học và cung cấp các tư liệu chất lượng tốt một cách công khai trực tuyến, thì họ có thể lôi cuốn được sinh viên, mở rộng uy tín cơ sở của họ và cải thiện dịch vụ công của họ. Các cơ sở như vậy cũng có thể đi xa hơn trong phổ biến các kết quả nghiên cứu và vì thế lôi cuốn được tiền vốn nghiên cứu. Tuy nhiên, các cơ sở phải định vị OER trong việc nâng cao thương hiệu và tính tới nguồn thu từ việc bán các tư liệu giáo dục mà họ tạo ra.

Trong bối cảnh này, các cơ sở giáo dục đại học cần:

- (a) *Xây dựng chiến lược phát triển đơn vị tích hợp OER.* Tài liệu chỉ dẫn này gợi ý các nội dung mà trường đại học có thể xem xét trong việc xây dựng chiến lược phát triển của tổ chức để tích hợp OER vào các hoạt động của đơn vị mình.
- (b) *Đưa ra những khuyến khích hỗ trợ đầu tư vào phát triển, tiếp thu và điều chỉnh tài liệu học tập chất lượng cao* Các chính sách của các đơn vị đào tạo nên được rà soát lại để:
  - Khuyến khích sự lựa chọn và điều chỉnh học liệu mở cho phù hợp cũng như phát triển tài liệu mới;
  - Tăng cường xuất bản tài liệu giáo dục mở trong các quy trình đào tạo ở tại cơ sở mình;
  - Tăng cường nghiên cứu việc sử dụng, sử dụng lại và thay đổi mục đích của học liệu mở;

- Tăng cường, khuyến khích sinh viên xuất bản các công trình của mình (dưới sự hướng dẫn của giảng viên ở từng cơ sở giáo dục) theo giấy phép mở theo quy định;
  - Thực hiện cơ chế giám sát việc đưa học liệu mở vào cơ sở giáo dục đại học, cho từng đối tượng và các cá nhân cụ thể trong đơn vị;
  - Tăng cường sự cộng tác phát triển nguồn tài nguyên giáo dục mở ở trong và ngoài đơn vị;
  - Có các hình thức khuyến khích và khen thưởng giảng viên thích hợp trong việc phát triển, thu nhận và điều chỉnh tài liệu học tập;
  - Đảm bảo việc phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của giảng viên để họ tham gia vào thiết kế và phát triển chương trình đào tạo, khoá học và tài liệu một cách thuận lợi.
- (c) *Nhận thức được vai trò quan trọng của các tài nguyên giáo dục bên trong các quy trình đảm bảo chất lượng.* Điều này nên bao gồm việc thiết lập và duy trì quy trình nội bộ khắt khe để thẩm định chất lượng các tư liệu giáo dục trước khi xuất bản chúng như là OER.
- (d) *Xem xét việc tạo ra các chính sách bản quyền mềm dẻo.* Các chính sách như vậy cần tạo điều kiện cho giảng viên yêu cầu giữ một số quyền về bản quyền hoặc thay đổi trật tự cấp phép một cách đơn giản khi thấy cần thiết. Các chính sách này có thể là một phần của quy trình bao quát hơn tại cơ sở. Quy trình này đảm bảo các chính sách về quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền và quyền riêng tư được thiết lập và được thể hiện trong tất cả các hợp đồng pháp lý và điều kiện làm việc.
- (e) *Cam kết thực hiện việc xây dựng năng lực của cơ sở đào tạo.* Tiến hành nâng cao nhận thức, xây dựng năng lực (phát triển

nguồn nhân lực) và xây dựng mạng lưới/chia sẻ cho các thành phần đối tượng khác nhau để phát triển năng lực toàn diện theo yêu cầu nhằm tạo điều kiện sử dụng học liệu mở hiệu quả hơn.<sup>1</sup> Những hoạt động này nhằm mục đích khuyến khích, thống nhất quan điểm chung về thực hiện giáo dục mở trong đơn vị, phù hợp với tầm nhìn và sứ mệnh của đơn vị, gắn kết với các hình thức khen thưởng phù hợp.

(f) *Đảm bảo sự truy cập CNTT-TT cho giảng viên và các sinh viên.*

Điều này có nghĩa là cố gắng đảm bảo đội ngũ giảng viên và sinh viên tiếp cận được cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng phần mềm và nối mạng ở mọi nơi để truy cập vào Internet và phát triển hoặc điều chỉnh các loại tài liệu giáo dục cho phù hợp. Bao gồm các ứng dụng phần mềm, như công cụ biên tập nội dung trang web, các hệ thống quản lý nội dung, các mẫu và bộ công cụ để tạo điều kiện cho sự sáng tạo và việc sử dụng các tài nguyên giáo dục đã được thiết kế để có thể điều chỉnh<sup>2</sup>. Cũng có thể là phát triển một kho sản phẩm của giảng viên và sinh viên chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập, đồng thời nâng cao hiểu biết về sự khác nhau giữa chia sẻ/cộng tác đúng đắn với việc sao chép trái phép nội dung. Giảng viên và sinh viên cũng cần được đào tạo/ phát triển chuyên môn và hỗ trợ sử dụng các hệ thống này.

(g) *Phát triển các chính sách và triển khai việc lưu trữ và truy cập*

*OER.* Điều này gồm khả năng lưu trữ, quản lý và chia sẻ tài nguyên và nội dung, cả trong và ngoài đơn vị, giúp nâng cao khối lượng kiến thức về học thuật, đảm bảo, chất lượng, hiệu quả trong môi trường học tập của nhà trường ngày càng tăng

<sup>1</sup> Danh mục đầy đủ những kỹ năng và năng lực phù hợp trong Phụ lục 1.

<sup>2</sup> Xem Phụ lục 2

lên cùng với kho kiến thức của đơn vị ngày càng lớn mạnh. Việc này có thể được thực hiện hiệu quả nhất trong khuôn khổ chiến lược phối hợp với các quốc gia hoặc hợp tác với các mạng lưới học liệu mở toàn cầu và các kho học liệu theo các quy chuẩn mở.

- (b) *Định kỳ đánh giá việc triển khai OER của đơn vị.* Những hoạt động đánh giá như vậy sẽ giúp đơn vị xác định được hiệu quả của các chính sách và việc thực hiện của mình. Bao gồm đánh giá mức độ sử dụng các tài liệu giáo dục đã được cấp phép mở trong các chương trình giáo dục đại học. Nó cũng có thể gồm đánh giá tác động của việc sử dụng các tài liệu giáo dục đã được cấp phép mở này tới công tác đào tạo của các cơ sở giáo dục và tác động của nó đến chi phí để phát triển/mua tài liệu giảng dạy và học tập chất lượng cao cho các chương trình đào tạo đại học. Trên cơ sở đánh giá định kỳ việc thực hiện của từng cơ sở giáo dục, đơn vị nào thực hiện tốt có thể đưa ra để giới thiệu những kinh nghiệm mới trong quá trình triển khai, thực hiện nhằm quảng bá các tác phẩm và các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục mở.

### **2.3. Các chỉ dẫn cho giảng viên**

Đội ngũ giảng viên là nhân tố quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng dạy và học của một trường đại học. Họ là đóng vai trò trung tâm trong quá trình giảng dạy và học của sinh viên. Các giảng viên đang đối mặt với một loạt các thách thức, bao gồm:

- Các căng thẳng về thời gian trong việc chuẩn bị chương trình giảng dạy và việc lựa chọn, tùy biến thích nghi và/hoặc phát triển các tư liệu và các công cụ đánh giá việc dạy và học;
- Truy cập tới các tư liệu dạy và học thích hợp, có chất lượng cao;

- Yêu cầu đáp ứng các nhu cầu đa dạng của học sinh, sinh viên và phù hợp với từng độ tuổi;
- Việc thay đổi các môi trường dạy và học (các tiếp cận từ hướng tới giáo viên sang hướng tới người học);
- Sự truy cập gia tăng của sinh viên tới các tư liệu trên trực tuyến, mạng xã hội và các cơ hội xuất bản trên trực tuyến;
- Các yêu cầu pháp lý về truy cập rộng rãi hơn;
- Nhu cầu đề cập tới cơ sở tri thức rộng lớn và đang gia tăng;
- Nhu cầu cập nhật thường xuyên các kỹ năng của họ về CNTT-TT;
- Các kỳ vọng cao của các sinh viên;
- Tuyển sinh gia tăng.

Trách nhiệm cho việc đảm bảo chất lượng của bất kỳ nội dung nào được sử dụng trong các môi trường dạy và học, bao gồm cả OER, sẽ nằm ở đại đa số với các nhà điều phối chương trình/khóa học và các giảng viên. Giảng viên lựa chọn, hướng dẫn, đưa ra những quy định đọc tài liệu /giáo trình chính nào, gợi ý những tài liệu tham khảo thêm nào, lựa chọn băng video để chiếu hay sử dụng kế hoạch giảng dạy của người khác, thì họ vẫn là những người chịu trách nhiệm cuối cùng cho việc lựa chọn tài liệu bản quyền mở và/hoặc bản quyền đóng, số hóa hay bản cứng để sử dụng. Vì vậy, chất lượng của học liệu mở chủ yếu phụ thuộc vào tài nguyên nào giảng viên chọn để sử dụng, họ điều chỉnh chúng thế nào cho phù hợp với bối cảnh cụ thể và họ tích hợp chúng thế nào vào các hoạt động giảng dạy, đào tạo và học tập. Việc sử dụng học liệu mở có thể giải quyết được nhiều thách thức nêu trên có hiệu quả.

Trong bối cảnh này, đội ngũ giảng viên cần:

- (a) *Phát triển các kỹ năng đánh giá OER.* Điểm bắt đầu tốt là nâng cao tri thức về OER là qua việc khai thác OER đang tồn tại trong các kho/cổng phù hợp và việc xác định những gì có thể được sử dụng cho các khóa học và các module. Giảng viên có thể lấy những học liệu mở hiện có làm chuẩn để so sánh và cải tiến chương trình và phương pháp sư phạm của mình cũng như của người khác. Sự tìm hiểu và sự hỗ trợ/đánh giá của đồng nghiệp như vậy cũng có thể phát triển sự tự tin của giảng viên để chia sẻ tài nguyên mới và/hoặc tài nguyên được điều chỉnh để giải quyết những tồn tại của chương trình trong kho học liệu mở chung hiện có, cho phép họ đóng góp vào tri thức toàn cầu.
- (b) *Cân nhắc việc xuất bản OER.* Một số giảng viên có thể khởi xướng làm việc cộng tác ngang hàng (bao gồm cả việc rà soát lại ngang hàng) và xuất bản các tư liệu mở được sản xuất thường xuyên như một phần của việc dạy và học, bao gồm cả các phác thảo khóa học, các cuốn sách hoặc các tờ phát thông tin khóa học, các ghi chép dạy học và các công cụ và tiện ích đánh giá khóa học. Qua thời gian, các làm như vậy có thể sinh ra một kho tài nguyên bên trong các trường đại học. Tài liệu này cung cấp cho các sinh viên sự hiểu biết hơn đối với các lĩnh vực mà họ đang theo học.
- (c) *Tập hợp, tùy biến thích nghi và ngữ cảnh hóa OER đang tồn tại.* Một phần của việc sử dụng học liệu mở hiệu quả là phát triển kỹ năng điều chỉnh học liệu mở hiện có cho phù hợp với bối cảnh đáp ứng các nhu cầu học đa dạng của sinh viên và hỗ trợ các hình thức tiếp cận học tập khác nhau để đạt được mục đích học tập đề ra. Điều này có thể đạt được bằng cách tận dụng và đóng góp vào nguồn tài nguyên chung đa dạng sẵn có trong các kho học liệu mở và chia sẻ thông tin về các vấn

để và các quá trình liên quan đến điều chỉnh và địa phương hóa các tài nguyên cho phù hợp.

- (d) *Phát triển thói quen làm việc nhóm.* Hệt như nghiên cứu hiện đại thường là nỗ lực của một đội, nên sự phát triển và sử dụng các tư liệu có khả năng là thành công hơn và làm thỏa mãn hơn cho đội ngũ giảng viên, nếu họ áp dụng tiếp cận theo nhóm.
- (e) *Tìm kiếm sự hỗ trợ của trường đại học cho phát triển các kỹ năng OER.* Để khai thác OER hiệu quả, đội ngũ giảng viên sẽ cần có các kỹ năng và năng lực, như thiết kế các tư liệu, phát triển và định vị chương trình giảng dạy, lựa chọn và tùy biến thích nghi OER. Họ nên nhận được sự hỗ trợ của cơ sở cho sự phát triển chuyên nghiệp trong các lĩnh vực đó, cả như các cá nhân và như các đội<sup>1</sup>.
- (f) *Tận dụng các mạng lưới và các cộng đồng chuyên môn.* Đội ngũ giảng viên có thể hưởng lợi lớn từ việc sử dụng các mạng và các cộng đồng chuyên môn để cộng tác phát triển, tùy biến thích nghi và chia sẻ OER, cũng như tham gia trong hội thoại về các kinh nghiệm trong việc dạy và học. Các cộng đồng chuyên môn cũng có thể cung cấp một nền tảng tốt cho việc xuất bản các tài nguyên trong các kho học liệu của trường Đại học.
- (g) *Khuyến khích sự tham gia của sinh viên.* Đội ngũ giảng viên được khuyến khích sử dụng ý kiến phản hồi của sinh viên về OER để cải thiện các tư liệu của riêng họ và khuyến khích các sinh viên xuất bản và đóng góp cho OER. Các sinh viên có thể được khuyến khích và được hỗ trợ trong việc tìm kiếm và sử dụng OER cho các mục đích nghiên cứu tự định hướng, ở

---

1 Danh sách chi tiết các kỹ năng thích hợp có trong Phụ lục 1.



các mức độ cao hơn, cho việc phát triển chương trình giảng dạy/các khóa học nghiên cứu của riêng họ.

- (b) *Thúc đẩy OER qua việc xuất bản về OER.* Điều này có thể giúp làm gia tăng lượng tri thức có sẵn về một chủ đề, đặc biệt nếu nó được thực hiện qua các xuất bản phẩm, các tạp chí mở và các phương tiện thích hợp khác. Điều này có thể bao gồm các bài báo chia sẻ các kinh nghiệm về sử dụng, sử dụng lại và tái mục đích OER và khuyến khích các sinh viên tham gia vào OER.
- (i) *Cung cấp ý kiến phản hồi về việc sử dụng OER.* Việc đưa ra ý kiến phản hồi và các dữ liệu về OER đã được tạo ra, được tùy biến thích nghi, được sử dụng và/hoặc được sử dụng lại, đặc biệt có liên quan tới các thành công trong việc đáp ứng các mục tiêu học tập và các nhu cầu của sinh viên, là một sự đóng góp có giá trị để sử dụng chúng có hiệu quả.
- (j) *Cập nhật tri thức về chính sách về sở hữu trí tuệ, bản quyền và quyền riêng tư.* Điều này đòi hỏi có sự tiếp cận tư vấn và chuyên môn về những vấn đề này cũng như sự hiểu biết chung về các chính sách và những thoả thuận hợp đồng của các cơ sở liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và bản quyền. Điều đặc biệt quan trọng là phải hiểu rõ các quyền và điều kiện liên quan đến các sản phẩm được tạo ra trong quá trình làm việc và những sản phẩm đó được chia sẻ và sử dụng bởi người khác như thế nào. Đội ngũ giảng viên cũng cần hiểu các chính sách này có thể ảnh hưởng đến quyền của họ thế nào.

#### **2.4. Các chỉ dẫn cho các tổ chức sinh viên**

Các xu hướng đang nổi lên trong xã hội hiện nay bao gồm nhu cầu về nguồn nhân lực lao động có trình độ cao toàn cầu có khả năng làm việc, có kỹ năng, kiến thức có thể truyền thụ được, có kỹ năng giao tiếp, tính

sáng tạo và đổi mới trong quá trình hội nhập. Điều này đòi hỏi các trường đại học cần phải chủ động, tiếp cận những xu hướng mới trên thế giới để điều chỉnh cho phù hợp với phát triển của nhà trường, và từ đó kéo theo nhận thức của sinh viên cũng cần phải thay đổi. Tuy nhiên, những thay đổi này gặp phải các thách thức bao gồm: chi phí cho giáo dục ngày càng tăng (gồm cả chi phí cho sách giáo khoa) và chi phí cho việc xác định các khóa học/các chương trình giáo dục phù hợp nhằm đáp ứng được nhu cầu học tập. Sử dụng học liệu mở hiệu quả có thể góp phần giải quyết những thách thức này, thông qua việc làm cho nội dung của các chương trình giáo dục minh bạch hơn và giảm chi phí truy cập chúng.

Sinh viên đóng một phần quan trọng cùng với giảng viên trong việc tạo nguồn tài liệu, điều chỉnh cho thích hợp và sản xuất các tài nguyên học liệu mở hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học.

Để đẩy mạnh vai trò này của sinh viên, các tổ chức sinh viên (cụ thể là Đoàn thanh niên và Hội sinh viên, các hội riêng lẻ) phải có trách nhiệm trong việc định hướng cho sinh viên vai trò và nhiệm vụ của mình nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của chính sinh viên.

Mặc dù, đội ngũ giảng viên chịu trách nhiệm chính trong việc tạo ra môi trường giảng dạy và học tập có thể khai thác học liệu mở có hiệu quả; các tổ chức sinh viên (đại diện cho sinh viên - một trong các nhân tố chính của giáo dục đại học) cần phải nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình và kết hợp với các nhân tố khác để vận dụng một cách phù hợp mối quan hệ tương tác giữa các nhân tố với nhau.

Trong bối cảnh này, các tổ chức sinh viên cần làm:

- (a) *Hiểu các vấn đề OER và cam kết thực hiện bảo vệ OER.* Dựa trên sự hiểu biết về những lợi ích kinh tế trong giáo dục của học liệu mở như đã đề cập trong cuốn tài liệu này và tài liệu của UNESCO-COL Hướng dẫn cơ bản về Nguồn tài

nguyên giáo dục Mở (Butcher 2011)<sup>1</sup>, các tổ chức sinh viên phải tích cực tăng cường phổ biến để giúp sinh viên nhận thức về tiềm năng của học liệu mở nhằm cải tiến các phương pháp học tập truyền thống, nâng cao nhận thức, tiếp thu các kinh nghiệm mới trong giáo dục.

- (b) *Khuyến khích các thành viên của họ xuất bản tác phẩm như là OER.* Các sinh viên có thể đóng góp đáng kể cho việc gia tăng sử dụng OER bằng việc xuất bản tác phẩm/tài liệu của họ theo một giấy phép mở. Kho tài liệu của sinh viên có thể phục vụ như tài nguyên học tập chất lượng tốt, trong khi cũng nâng cao nhận thức về sự khác biệt giữa chia sẻ/cộng tác phù hợp và vấn đề đạo văn.
- (c) *Nhận vai trò tích cực trong việc đảm bảo chất lượng OER thông qua các mạng xã hội.* Các tổ chức sinh viên cần khuyến khích sinh viên tham gia vào các môi trường mạng xã hội được thiết lập xung quanh các kho học liệu mở. Như vậy sinh viên sẽ có vai trò tích cực đảm bảo chất lượng nội dung bằng cách có ý kiến, nhận xét về các nội dung nào họ thấy có ích và tại sao lại có ích.
- (d) *Thừa nhận CNTT-TT ngày càng quan trọng của giáo dục đại học và các nhu cầu giáo dục đặc biệt.* Sinh viên nên tham gia vào trong các quy trình ra quyết định của cơ sở để đảm bảo rằng CNTT-TT được chọn là trực tiếp hữu dụng cho các sinh viên, yêu cầu là hội nhập và tuân theo các tiêu chuẩn mở đang tồn tại.
- (e) *Khuyến khích sự tham gia của sinh viên trong các hoạt động hỗ trợ phát triển OER.* Các tổ chức sinh viên có thể ủng hộ, phổ biến và xây dựng chiến lược, tuyên truyền nguồn tài nguyên giáo dục cho phép sinh viên tham gia vào tìm nguồn tài liệu, ứng dụng và xuất bản học liệu mở cùng với các giảng viên. Hơn nữa, các tổ

---

1 Xem [http://www.col.org/học\\_liệu\\_mở\\_Basicguide](http://www.col.org/học_liệu_mở_Basicguide).

chức sinh viên có thể giúp nâng cao chất lượng giáo dục và khả năng tự học của sinh viên bằng cách khuyến khích và ủng hộ việc sử dụng học liệu mở để tự học, nghiên cứu và đạt tới một trình độ cao hơn, tự xây dựng chương trình/khóa học.

## **2.5. Các chỉ dẫn cho các tổ chức đảm bảo/công nhận chất lượng và công nhận bằng cấp.**

Đảm bảo chất lượng và công nhận bằng cấp đã trở thành những nhân tố cốt lõi của giáo dục đại học ở tất cả các cấp vì sự đa dạng của nó và sự di chuyển ngày càng tăng của sinh viên, các nhà nghiên cứu và cán bộ chuyên môn khác.

Đảm bảo chất lượng trước hết thuộc về trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học. Mặc dù, các tổ chức đảm bảo chất lượng bên ngoài đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển việc kiểm định chất lượng thông qua các hoạt động đánh giá chương trình và rà soát cơ chế đảm bảo chất lượng của nhà trường. Khi đánh giá chất lượng giảng dạy, các tổ chức đảm bảo chất lượng thường xem xét các nguồn tài nguyên giáo dục do các cơ sở giáo dục xây dựng, chỉnh sửa và sử dụng (kể cả học liệu mở). Vì vậy, các tổ chức đảm bảo chất lượng có vai trò trong việc đảm bảo rằng nhà trường phải có các chính sách để hỗ trợ cho việc sử dụng các học liệu mở.

Các tổ chức công nhận bằng cấp cũng phải hiểu được vai trò của học liệu mở trong giáo dục đại học để đảm bảo công bằng trong việc công nhận bằng cấp. Nhiệm vụ của các tổ chức đảm bảo chất lượng và công nhận bằng cấp là phải gắn kết chặt chẽ với nhau; các tổ chức công nhận bằng cấp thường phải tin tưởng vào các thông tin do các tổ chức đảm bảo chất lượng cung cấp. Vì thế, các tổ chức công nhận bằng cấp cũng phải quan tâm đến nguồn tài nguyên giáo dục do các cơ sở giáo dục xây dựng, chỉnh sửa và sử dụng.

Trong bối cảnh này, Các tổ chức này cần:

- (a) *Phát triển sự hiểu biết của họ về OER và cách mà nó ảnh hưởng tới sự đảm bảo và thừa nhận chất lượng.* Điều đó bao gồm cả sự đảm bảo rằng các cán bộ chuyên môn tham gia vào các hoạt động đảm bảo chất lượng và công nhận bằng cấp phải nhận thức được tầm quan trọng ngày càng gia tăng của học liệu mở do các cơ sở giáo dục đại học xây dựng và sử dụng. Cần đặc biệt quan tâm tới vấn đề quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền và tăng cường sự hiểu biết về phạm vi cấp phép đối với các tài nguyên giáo dục mở.
- (b) *Tham gia vào trong các tranh luận về OER, đặc biệt về vấn đề bản quyền.* Giống như tất cả các bên tham gia đóng góp trong giáo dục đại học, các tổ chức này đảm bảo và thừa nhận chất lượng sẽ cần gây ảnh hưởng tới phát triển chính sách xung quanh OER, tập trung vào cả các cơ hội và thách thức mà OER tạo ra.
- (c) *Xem xét tác động của OER lên đảm bảo chất lượng và công nhận bằng cấp.* Học liệu mở ngày càng phổ biến, điều quan trọng là phải đảm bảo sao cho các nguyên tắc và quy trình đảm bảo chất lượng, công nhận bằng cấp và quá trình hỗ trợ việc sử dụng học liệu mở một cách có hiệu quả. Để làm điều đó, cần thiết phải rà soát lại vai trò và việc sử dụng các học liệu mở nhằm cải thiện chất lượng dạy và học, xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả của việc đưa học liệu mở vào thực tiễn của nhà trường.
- (d) *Áp dụng OER và công nhận nó như là phương thức tốt để đảm bảo chất lượng và công nhận bằng cấp.* Giáo dục đại học nên thừa nhận những đóng góp hữu ích của học liệu mở. Trên cơ sở đó các tổ chức đảm bảo chất lượng có thể xác định lại phạm vi và mức độ tiếp cận cộng đồng. Điều này sẽ đảm bảo tập trung chuyển dịch theo hướng: lập và sử dụng các tài nguyên giáo dục mở vào trong nhà trường, đồng thời giám sát vào thực tiễn, đảm bảo chất lượng của tài nguyên giáo dục mở của nhà trường.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Allen, N. (n.d.). Make textbooks affordable. The Student PIRGS. Retrieved from <http://www.studentpirgs.org/textbooks/>
- Atkins, D.E., Brown, J.S., & Hammond, A.L. (2007). A review of the open educational resources (OER) movement: Achievements, challenges, and new opportunities. Retrieved from <http://www.hewlett.org/uploads/files/ReviewoftheOERMovement.pdf>
- Butcher, N. (Author), Kanwar, A. (Ed.), & Uvalić -Trumbić, S. (Ed.). (2011). A basic guide to open educational resources (OER). Vancouver, Canada: Commonwealth of Learning, and Paris, France: UNESCO. Retrieved from <http://www.col.org/oerBasicGuide>
- Chan, L., Cuplinskas, D., Eisen, M., Friend, F., Genova, Y., Guedon, J-C.,... Velterop, J. (2002). Read the Budapest Open Access Initiative. Budapest Open Access Initiative. Retrieved from <http://www.soros.org/openaccess/read>
- Creative Commons. (n.d.). About the licences. Retrieved from <http://creativecommons.org/licenses/>
- Floe. (n.d.) Paving the way toward inclusive open education resources. Retrieved from <http://floeproject.org/>
- Open Knowledge Foundation. (n.d.) Guide to open licensing. Open Definition. Retrieved from <http://opendefinition.org/guide/>

## PHỤ LỤC 1

### KIẾN THỨC, NĂNG LỰC VÀ CÁC KỸ NĂNG CẦN THIẾT ĐỂ SỬ DỤNG HỌC LIỆU MỞ HIỆU QUẢ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Dưới đây là danh mục kiến thức, năng lực và kỹ năng mà các cơ sở giáo dục đại học có thể muốn xây dựng để sử dụng học liệu mở một cách hiệu quả.

Danh mục này nêu rõ những lĩnh vực mà tính chất mở làm gia tăng giá trị và/hoặc những lĩnh vực cần sự quan tâm đặc biệt. Đó là:

1. Vận động và quảng bá cho học liệu mở như là một phương tiện cải thiện chất lượng dạy và học trong giáo dục (Nắm rõ khái niệm, thực tiễn, hệ lụy của chính sách, v.v...). Điều này đòi hỏi phải có:

- a) Cam kết ủng hộ khái niệm mở, nếu không mọi cố gắng vận động cho học liệu mở khó có thể thành công;
- b) Hiểu được những ưu điểm và nhược điểm của những cách cấp phép mở khác nhau, đồng thời nắm vững các chính sách hiện hành hạn chế việc sử dụng học liệu mở và cấp phép tài nguyên trí tuệ mở thế nào (đặc biệt tập trung vào những thách thức đối với việc thuyết phục các nhà hoạch định chính sách giáo dục ở những nơi chính sách bản quyền trí tuệ không quy định cấp phép mở);
- c) Hiểu rõ những khó khăn liên quan tới việc sử dụng những nội dung bản quyền đóng trong môi trường mạng đa dạng, các phương thức truyền thông và công nghệ mới, và phải biết rõ ích lợi của học liệu mở với tư cách là những tài nguyên mở có thể được sử dụng, tái sử dụng và điều chỉnh không có giới hạn.

- d) Hiểu rõ những lợi ích kinh tế của học liệu mở trong giáo dục đối với các cơ sở giáo dục và chương trình thương mại, hiệu quả của xuất bản học liệu mở, cũng như chính sách, hợp đồng và tài trợ.
- f) Có kiến thức sâu rộng về các trường hợp thực tiễn sử dụng học liệu mở để minh họa cho các điển hình.
- g) Cập nhật những ý kiến ủng hộ và phản đối việc sử dụng học liệu mở.

## 2. Chuyên môn pháp lý để có thể:

- a) Hiểu và tham vấn cho mọi người vấn đề bản quyền chung, bản chất của việc cấp giấy phép bản quyền và những cách tiếp cận cấp phép bản quyền khác nhau. Rà soát các chính sách bản quyền, hợp đồng và các điều kiện tài trợ hiện hành trong cơ sở giáo dục, kể cả những chính sách quy định ai sở hữu các nội dung có bản quyền do các nhân viên quản trị mạng, giảng viên và những người khác xây dựng.
- c) Phát triển và sửa đổi cho phù hợp những chính sách về vấn đề riêng tư, bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ nhằm tạo điều kiện và thực hiện những mục tiêu liên quan tới đăng tải học liệu mở.
- d) Xác định những yêu cầu xin phép bản quyền và riêng tư để đăng tải các học liệu này theo giấy phép mở.
- e) Ghi chính xác bản quyền và lời xác nhận từ bỏ quyền bản quyền trong các học liệu khác nhau và trên đa phương tiện.

3. Chuyên môn trong việc xây dựng và giải thích những mô hình kinh doanh chứng minh và minh họa cho việc sử dụng và lợi ích của cấp phép mở cho các cơ sở giáo dục, giảng viên và những người tạo ra các học liệu giáo dục (kể cả các nhà xuất bản).



4. Chuyên môn trong việc xây dựng và thiết kế các chương trình, khóa học và học liệu, đặc biệt tập trung vào giúp các giảng viên tận dụng tiềm năng học tập dựa trên tài nguyên và phương pháp sư phạm lấy sinh viên làm trung tâm trong các chương trình và khóa học của mình. Điều quan trọng là phải có hiểu biết về các cách tiếp cận giáo dục (vd: có khả năng phân biệt giữa học mở, học từ xa, học trực tuyến và học tích hợp và những điểm tích cực của chúng), cũng như hiểu biết về bối cảnh giáo dục chuyên ngành nơi việc học tập đó đang diễn ra.

Bên cạnh đó, đòi hỏi phải có những kỹ năng:

- a) Đánh giá nhu cầu giáo dục.
- b) Quản lý quá trình xây dựng chương trình.
- c) Xác định đúng đối tượng.
- d) Xác định kết quả học tập có hiệu quả và phù hợp.
- e) Xác định các nội dung phù hợp cho các chương trình, khóa học và mô đun.
- f) Phối hợp các chiến lược giảng dạy và học tập phù hợp để đạt những kết quả học tập đã được xác định.
- g) Lập kế hoạch tài chính để đảm bảo cung cấp đủ ngân sách lâu dài cho các chiến lược dạy và học đã được lựa chọn.
- h) Xây dựng và sử dụng một cách có hiệu quả các tài liệu giảng dạy và học tập.
- i) Kết hợp những sáng kiến của sinh viên vào tài liệu trong khi thiết kế.
- j) Thiết kế những chiến lược đánh giá có hiệu quả phù hợp.
- k) Ứng dụng những công nghệ và phương thức phù hợp nhất hỗ trợ kết quả học tập.

- l) Sử dụng các phương tiện truyền thông và công nghệ hỗ trợ cung cấp, tương tác và giúp đỡ sinh viên.
- m) Khai thác học liệu mở, kể cả những hiểu biết về thế mạnh và đặc điểm của các kho chia sẻ chung, các kho chia sẻ chuyên ngành và công cụ tìm kiếm học liệu mở.
- n) Điều chỉnh và kết hợp học liệu mở một cách phù hợp vào các chương trình đã được biên soạn.
- o) Thương lượng với các cá nhân và/hoặc tổ chức bên ngoài về đăng tải và tái đăng tải những tài nguyên theo giấy phép mở.
- p) Những học liệu nào không ở dạng kỹ thuật số thì phải chuyển đổi dạng sử dụng nhận dạng ký tự bằng quang học.
- q) Phải biết:
  - Liệu có được phép thay đổi nội dung khi tùy biến các tài liệu không? Nếu được phép thì thay đổi đến mức nào và như thế nào?
  - Nếu như tài liệu được sửa đổi cho phù hợp với một mục đích chuyên biệt nào đó rồi thì nó phải được phản ánh như thế nào trong nội dung đã được sửa đổi.
- r) Lưu ý tới sự cần thiết phải trích dẫn tác giả gốc/nguồn gốc của các nội dung được truy cập để sử dụng thông qua giấy phép mở.
- s) Thực hiện các công đoạn cần thiết để xuất bản các tài liệu in theo yêu cầu.

5. Chuyên môn kỹ thuật. Loại kỹ năng này gắn chặt với những kỹ năng thiết kế và xây dựng học liệu. Học tập dựa trên học liệu và phương pháp lấy sinh viên làm trung tâm ngày càng tận dụng các phương tiện khác nhau và được triển khai trong môi trường trực tuyến, có sự hỗ trợ của các học liệu giáo dục mở ở dạng số sẵn có. Điều này đòi hỏi có kỹ năng:

- a) Tham vấn cho các cơ sở giáo dục về những mặt được và chưa được của việc thiết lập kho học liệu mở của riêng mình, cũng như tham vấn về những cách thức có thể chia sẻ học liệu.
- b) Tạo ra môi trường học tập ảo và kho học liệu vận hành ổn định.
- c) Ủng hộ giảng viên xây dựng các khóa học trong môi trường học tập ảo đang vận hành hoặc mới triển khai.
- d) Phát triển các tài liệu đa phương tiện dựa trên hệ thống máy tính (kể cả tài liệu nghe nhìn).

6. Chuyên môn trong quản lý mạng lưới/các nhóm và cơ sở đào tạo hợp tác thực hiện các dự án khác nhau cải thiện học tập và giảng dạy (kể cả khả năng thích ứng với những môi trường có nhiều thách thức. Ví dụ: không có điện, một mỗi, có một số nhân vật khó tính, nguyên tắc của trường và phải tập trung vào các nhiệm vụ trước mắt).

7. Chuyên môn giám sát và đánh giá để thiết kế và tiến hành quá trình đánh giá hình thành, cũng như đánh giá tổng kết dài hơi và/hoặc các hoạt động đánh giá tác động vừa chất lượng giảng dạy và học tập, năng xuất cao hơn, hiệu quả gia tăng v.v...

8. Chuyên môn về quản lý và chia sẻ học liệu một cách hiệu quả bao gồm:

- a) Kỹ năng về kỹ thuật phát triển và duy trì các web platform để đăng tải học liệu mở, trực tuyến, cũng như chia sẻ nội dung và các cơ sở dữ liệu lớn với các web platform khác.
- b) Khả năng khai thác các cơ sở dữ liệu lớn phù hợp và có ý nghĩa vào học liệu mở.
- c) Kiến thức, kỹ năng triển khai nguyên tắc phân loại chuẩn toàn cầu để mô tả các tài nguyên của các ngành, miền khác nhau.

d) Kỹ năng thiết kế và quản lý các trang web tạo ra môi trường trực tuyến trong đó có thể phát hiện và tải các học liệu về một cách dễ dàng.

9. Kỹ năng về truyền thông và nghiên cứu để có thể chia sẻ những thông tin về học liệu mở, dưới dạng cập nhật mạng, bản tin, sách nhỏ thông tin, các trường hợp điển hình, báo cáo nghiên cứu, v.v... Điều này đòi hỏi phải có đầy đủ các kỹ năng cần thiết cho các hoạt động truyền thông, từ nghiên cứu tới phổ biến và có những khái niệm cơ bản về thiết kế đồ họa và trình bày.

## **PHỤ LỤC 2.**

### **THÚC ĐẨY GIÁO DỤC HỘI NHẬP VÀ CÓ HIỆU QUẢ BẰNG VIỆC THIẾT KẾ OER CHO CÁC NHU CẦU ĐA DẠNG CỦA SINH VIÊN**

Sinh viên có cách học khác nhau. Cách học phù hợp với nhu cầu học của mỗi cá nhân sẽ đưa đến kết quả học tập tốt nhất. Học liệu phải mở cho sinh viên truy cập thỏa mãn những nhu cầu học tập đa dạng của họ. Nhu cầu học tập thường bị tác động bởi:

- Cảm giác, động lực, nhận thức, tình cảm và xã hội.
- Phong cách và phương thức học tập.
- Khả năng ngôn ngữ và bối cảnh văn hóa.
- Khó khăn kỹ thuật, tài chính và môi trường.

Học tập có thể thành công nếu như nhu cầu học tập của mỗi cá nhân sinh viên gắn liền với kinh nghiệm học tập đáp ứng nhu cầu đó. Điều này có thể thực hiện được thông qua hệ thống cung cấp tài nguyên học liệu bằng cách sắp xếp lại học liệu, nơi nào có thể, nâng cao chất lượng học liệu hoặc thay thế cả hoặc một phần bằng học liệu khác đáp ứng mục tiêu học tập tương tự.

Để thực hiện việc này, học liệu hoặc các tài nguyên giáo dục phải:

1. Ghi rõ tài nguyên nào cho nhu cầu học tập gì?
2. Cho phép sáng tạo các phiên bản và cải tiến thông qua giấy phép mở;
3. Hỗ trợ hình thức, định dạng, cách thức linh hoạt (v.d: phóng to cỡ chữ (font), thay đổi độ tương phản màu sắc và sửa đổi cách trình bày cho các sinh viên khiếm thị hoặc trên thiết bị di động);
4. Hỗ trợ cách sử dụng tính năng và dịch chuyển của bàn phím (cho những sinh viên không thể sử dụng được hoặc không có con chuột hoặc con trỏ).
5. Cung cấp tín hiệu âm thanh hoặc mô tả nội dung những thông tin không có văn bản được trình bày trong băng video, biểu đồ, hoặc hình ảnh (cho những sinh viên khiếm thị hoặc không có các thiết bị xem);
6. Cung cấp văn bản các thông tin được trình bày trong băng âm thanh (cho những sinh viên khiếm thính hoặc không có giao diện âm thanh);
7. Không để phần thông tin bằng chữ chồng lên mã số hoặc thông tin bằng chữ khác (tiện cho phần dịch thuật);
8. Chỗ nào có thể, sử dụng định dạng mở tạo điều kiện cho các hệ thống truy cập hoặc thiết bị khác hiển thị và kiểm soát tài nguyên.
9. Tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế về khả năng điều hành liên thông để học liệu mở có thể sử dụng trên nhiều loại thiết bị và ứng dụng khác nhau.

Hệ thống chuyển tải tài nguyên phải cho phép mỗi sinh viên, hoặc nhóm hỗ trợ của mình xác định được nhu cầu học tập hành động của mình.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Để có thông tin thêm về những vấn đề này, xin xem dự án Floe (<http://floeproject.org/>).